

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
NGÀNH: KINH TẾ CÔNG NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DNCN

THÁI NGUYÊN NĂM 2019

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
**CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
CÔNG NGHIỆP**

Chương trình khung chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp này đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thông qua và nghiệm thu

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH & ĐT
HIỆU TRƯỞNG**

A handwritten signature in blue ink, which appears to read 'DuyCung'.

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

THÁI NGUYÊN NĂM 2019

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế công nghiệp; Mã ngành: 7510604

Chuyên ngành đào tạo: Kế toán doanh nghiệp công nghiệp

Ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ – ĐHKTCN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp CN trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kế toán Doanh nghiệp Công nghiệp sẽ đào tạo cho xã hội những cử nhân kế toán trình độ đại học có phẩm chất chính trị tốt, tư cách đạo đức tốt, có đủ sức khỏe tham gia công tác, có trình độ năng lực chuyên môn sâu về kế toán, có tư duy sâu về lĩnh vực kinh tế, tài chính, có khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, đánh giá và đưa ra ý kiến tư vấn hữu ích giúp các nhà quản trị trong việc điều hành hoạt động của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu chung, chương trình hướng tới đào tạo, rèn luyện sinh viên các phẩm chất, kiến thức, kỹ năng nhằm phát huy tốt năng lực làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm, có thể hòa nhập nhanh chóng với thực tế công tác trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp. Cụ thể là:

- Có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức, có trách nhiệm công dân và ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng nội quy tổ chức; có thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;

- Có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và sử dụng thông thạo tiếng Anh;

- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, phương pháp tiếp cận khoa học để giải quyết các vấn đề thực tế.

II. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức:

- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam; có các kiến thức cơ bản trong

lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; có sức khoẻ tốt, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Có kiến thức toán học và có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội để tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức về ngoại ngữ, thành thạo các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết, đồng thời sử dụng tốt ngoại ngữ chuyên ngành;

- Có các kiến thức về tin học văn phòng; sử dụng thành thạo Excel ứng dụng và phần mềm kế toán;

- Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên;

- Khối kiến thức cơ sở ngành sẽ cung cấp các công cụ cần thiết phục vụ cho hoạt động chuyên môn của người làm kế toán;

- Kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiến thức về chế độ, chính sách kế toán, kiến thức tin học ứng dụng trong việc sử dụng các phần mềm kế toán, hỗ trợ kê khai thuế. Khối kiến thức này sẽ giúp sinh viên trong việc phân tích, tổng hợp, đánh giá và lập các báo cáo kế toán cần thiết;

- Có kiến thức phân tích và đánh giá mối quan hệ kinh tế - kỹ thuật cơ bản trong tổ chức sản xuất công nghiệp để xây dựng, tổ chức, điều hành và quản lý các dự án về điện trong công nghiệp và dân dụng.

2.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu

Chủ động trong việc khai thác, tìm kiếm thông tin phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu khoa học, qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học tự nghiên cứu để nâng cao trình độ và hoàn thiện bản thân.

- Kỹ năng mềm

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm: Rèn luyện cho sinh viên tinh thần đoàn kết, hợp tác trong học tập và trong các hoạt động, phương pháp làm việc ở những vai trò khác nhau trong một tập thể, phương pháp tổ chức, quản lý để đạt được hiệu quả từ nhóm sinh viên với những trình độ chuyên môn, hoàn cảnh, sở thích, môi trường làm việc khác nhau;

+ Kỹ năng giao tiếp: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thuyết trình, trình bày, diễn giải vấn đề... thông qua các báo cáo, các hợp đồng kinh tế theo tiêu chuẩn chuyên nghiệp;

+ Kỹ năng ngoại ngữ: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong công việc như giao tiếp, tham khảo tài liệu chuyên môn;

+ Kỹ năng sử dụng thông tin: Sinh viên có khả năng thu thập, xử lý các thông tin kinh tế tài chính trên các phần mềm nói chung và phần mềm kế toán nói riêng một cách thành thạo;

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh thông qua việc nhận diện vấn đề, phân tích và xây dựng phương án giải quyết phù hợp.

- *Kỹ năng chuyên môn*

+ Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức công tác kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, như: Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán, hệ thống báo cáo kế toán;

+ Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế tài chính liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phân tích qua đó đánh giá hoạt động của doanh nghiệp và đề ra phương hướng hoạt động sao cho có hiệu quả kinh tế cao nhất;

+ Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức thực hiện các phần hành kế toán cụ thể trong doanh nghiệp như: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm; Kế toán thanh toán... từ việc lập chứng từ, định khoản kế toán, mở sổ và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ sách kế toán liên quan.

2.3. Thái độ:

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và làm việc độc lập;

- Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.

- Có thái độ và nhận thức rõ, chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân; có ý thức tự giác bảo vệ của công, bảo vệ môi trường.

- Trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị. Biết tôn trọng lợi ích tập thể;

- Có tính kiên trì, linh hoạt, khả năng tư duy sáng tạo, ham tìm hiểu và khả năng học tập suốt đời;

- Dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với thử thách.

2.4. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp:

Sau thời gian được đào tạo hệ đại học chính quy chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp Công nghiệp – Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên môn sâu, cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện các công việc như:

- Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... một cách chuyên nghiệp;

- Tổ chức vận hành các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, cung cấp thông tin kế toán tài chính, thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị;

- Trực tiếp thực hiện và điều hành các hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng;

- Nâng cao khả năng phân tích và tư vấn kế toán cho các đối tượng có nhu cầu;

- Trực tiếp giảng dạy chuyên môn, nghiên cứu trong các trường đại học, cao đẳng thuộc khối kinh tế.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Tiếp tục học tập các chuyên ngành ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực kinh tế nói chung, lĩnh vực kế toán, tài chính nói riêng;

- Thực hiện các nghiên cứu chuyên ngành sâu về kế toán, tài chính, kiểm toán.

III. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức:

Thời gian đào tạo:	04 năm
Khối kiến thức:	124 tín chỉ

3.2. Cấu trúc các khối kiến thức:

3.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	33 tín chỉ, chiếm 26,61 %
3.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91 tín chỉ, chiếm 73,39 %

Trong đó:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành	48 tín chỉ, chiếm 38,71 %
+ Khối kiến thức chuyên ngành	32 tín chỉ, chiếm 25,81 %
+ Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	11 tín chỉ, chiếm 8,87 %

IV. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DNCN

STT	Mã số HP		Số TC	Số tiết lý thuyết	Số tiết TN, TH	Khoa, trung tâm đảm nhiệm	Ghi chú
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	Bộ môn LLCT	
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		
4	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0		
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		
6	BAS0108	Đại số tuyến tính	2	30	0	KHCB	
7	BAS109	Giải tích 1	4	60	0		
8	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	30	0		
9	ENG112	Tiếng Anh 1	3	45	0	Quốc tế	
10	ENG113	Tiếng Anh 2	3	45	0		
11	ENG217	Tiếng Anh 3	3	45	0		
12		Giáo dục quốc phòng				TTGDQP	
13	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30	0	KTCN	
14	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc				Khoa KHCB	
15		Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 học phần hoặc 1 trong 2 học phần)					
15.1	BAS0110	Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản				Khoa KHCB	
15.2	BAS0113	Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao					
16		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 HP)	3				
16.1	FIM342	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(3)	45	0	KTCN	
16.2	BAS119	Xã hội học	(3)	45	0	LLCT	
		Tổng	33				
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
1. Khối kiến thức cơ sở ngành							
17	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45	0	K. Điện	
18	FIM330	Luật kinh doanh	2	30	0	KTCN	

19	FIM0389	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh	2	16	14		
20	FIM214	Toán Kinh tế	3	45	0		
21	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	45	0		
22	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45	0		
23	FIM0308	Đề án Kinh tế học	1	0	15		
24	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	0		
25	FIM331	Marketing căn bản	3	45	0		
26	FIM434	Kiểm toán căn bản	3	45	0		
27	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	45	0		
28	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	30	0		
29	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45	0		
30	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0		
31	FIM538	Kinh tế lượng	3	45	0		
32	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0		
33	FIM352	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	45	0		
34		Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 HP)	3				
34.1	FIM215	Quản trị doanh nghiệp	(3)	45	0	KTCN	
34.2	FIM333	Quản lý dự án	(3)	45	0		
		Tổng	48				
2. Khối kiến thức chuyên ngành Kế toán DNCN							
35	FIM319	Kế toán tài chính 1	3	45	0	KTCN	
36	FIM320	Kế toán tài chính 2	3	45	0		
37	FIM353	Kế toán thuế	3	45	0		
38	FIM431	Kế toán quản trị 1	4	60	0		
39	FIM0545	Tổ chức công tác kế toán	4	30	30		
40	FIM432	Kế toán xây dựng cơ bản	3	45	0		
41	FIM354	Kiểm toán tài chính	3	45	0		
42	FIM484	Kế toán máy	4	10	50		
43	FIM485	Đề án kế toán tài chính	1	0	15		Làm đề án
44	FIM539	Đề án kế toán thuế	1	0	15		
45		Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 3 HP)	3			KTCN	
45.1	FIM355	Kế toán ngân hàng	(3)	45	0		

45.2	FIM356	Kế toán quốc tế	(3)	45	0		
45.3	FIM357	Kế toán thương mại dịch vụ	(3)	45	0		
		Tổng	32				
3. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp							
46	FIM0388	TTCS chuyên ngành Kế toán DNCN	2	0	30	KTCN	Tại DN
47	FIM487	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3				
48	FIM488	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6				
		Tổng	11				
		Cộng I + II	124				

V. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DNCN

HỌC KỲ 1

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác – Lênin	3		
2	BAS0108	Đại số tuyến tính	2		
3	ENG112	Tiếng Anh 1	3		
4	FIM204	Kinh tế học vi mô	3		
5		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 HP)	3		
5.1	FIM342	Lịch sử các HTKT	(3)		
5.2	BAS119	Xã hội học	(3)		
6	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc			
		Tổng	14		

HỌC KỲ 2

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		
2	BAS109	Giải tích 1	4		
3	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
4	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3		
5	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3		
6		Giáo dục quốc phòng			
7		Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 học phần hoặc 1 trong 2 học phần)			
7.1	BAS0110	Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản			
7.2	BAS0113	Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao			
		Tổng	14		

HỌC KỲ 3

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS0210	Xác suất và thống kê	2		
2	ENG113	Tiếng Anh 2	3		
3	FIM330	Luật kinh doanh	2		
4	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3		
5		Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 HP)	3		
5.1	FIM215	Quản trị doanh nghiệp	(3)		

5.2	FIM333	Quản lý dự án	(3)		
6	FIM206	Nguyên lý kế toán	3		
7	FIM0308	Đề án Kinh tế học	1	15 tiết	
		Tổng	17		

HỌC KỲ 4

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	ENG217	Tiếng Anh 3	3		
3	FIM214	Toán kinh tế	3		
4	FIM319	Kế toán tài chính 1	3		
5	FIM213	Nguyên lý thống kê	2		
6	FIM331	Marketing căn bản	3		
		Tổng	16		

HỌC KỲ 5

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
1	FIM434	Kiểm toán căn bản	3		
2	FIM0389	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh	2	15 tiết	
3	FIM538	Kinh tế lượng	3		
4	FIM320	Kế toán tài chính 2	3		
5	FIM352	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2		
6	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3		
		Tổng	18		

HỌC KỲ 6

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FIM354	Kiểm toán tài chính	3		
2	FIM432	Kế toán xây dựng cơ bản	3		
3	FIM353	Kế toán thuế	3		
4		Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 3 HP)	3		
4.1	FIM355	Kế toán ngân hàng	(3)		
4.2	FIM356	Kế toán quốc tế	(3)		
4.3	FIM357	Kế toán thương mại dịch vụ	(3)		
5	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3		

6	FIM0388	TTCS chuyên ngành kế toán DNCN	2	30 tiết	
		Tổng	17		

HỌC KỲ 7

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
2	FIM0545	Tổ chức công tác kế toán	4	30 tiết	
3	FIM431	Kế toán quản trị 1	4		
4	FIM484	Kế toán máy	4	50 tiết	
5	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
6	FIM485	Đề án kế toán tài chính	1	15 tiết	
7	FIM539	Đề án kế toán thuế	1	15 tiết	
		Tổng	19		

HỌC KỲ 8

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FIM487	TTTN chuyên ngành Kế toán DNCN	3		Thực tế tại DN
2	FIM488	KLTN chuyên ngành Kế toán DNCN	6		
		Tổng	9		

VI. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin

3TC

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2TC

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6, trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm các vấn đề như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

2TC

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1: trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức con người. Là học phần bắt buộc được giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các học phần tiên quyết gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

6. Đại số tuyến tính

2TC

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; Không gian véc tơ, không gian Euclid; Ánh xạ tuyến tính; Trị riêng, véc tơ riêng của toán tử tuyến tính, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

7. Giải tích 1

4TC

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hàm số một biến số thực; giới hạn và sự liên tục của hàm số một biến số; đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; tích phân; chuỗi, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

8. Xác suất và thống kê

2 TC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, giúp người học có kiến thức nền tảng cơ bản về lý thuyết Xác suất thống kê để phục vụ trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học trong trường đại học cũng như trong cuộc sống.

9. Tiếng Anh 1

3 TC

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc.

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2.

10. Tiếng Anh 2

3 TC

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, điện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất... ở trình độ A2

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng các kiến thức từ và vựng ngữ pháp của học phần để hình thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở trình độ A2.

11. Tiếng Anh 3

3 TC

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ B1, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: quê nhà và thói quen, cuộc sống thường ngày của học sinh - sinh viên, thời gian rảnh, thể giới, cách sống khỏe mạnh...

Học phần này cũng cung cấp các bài luyện tập đa dạng giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp được học trong học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ đầu của trình độ B1.

12. Giáo dục quốc phòng

13. Pháp luật đại cương

2 TC

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, bao gồm các nội dung: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

14. Giáo dục thể chất bắt buộc

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

15. Giáo dục thể chất tự chọn

15.1. Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản

Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của từng nội dung môn học. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi

đầu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

15.2. Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao

Trên cơ sở là các kiến thức đã được trang bị trong nội dung môn cầu lông 1, cầu lông 2 ôn tập, đào sâu và mở rộng các kiến thức đã học qua đó giúp sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu cầu lông để nâng cao sức khỏe, nâng cao trình độ kỹ thuật, có thể tiến hành thi đấu, tổ chức thi đấu, tham gia vào các hoạt động thể thao phong trào quần chúng góp phần làm lành mạnh hóa đời sống văn hóa tinh thần.

16. Tự chọn 1

3TC

16.1. Lịch sử các học thuyết kinh tế

3TC

Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

16.2. Xã hội học

3TC

Học phần trình bày những khái niệm cơ bản của xã hội học và một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học như: Xã hội học đô thị, Xã hội học nông thôn, Xã hội học gia đình, Văn hóa xã hội, Cơ cấu xã hội và Điều tra xã hội học.

17. Kỹ thuật điện đại cương

3TC

Môn học này cung cấp kiến thức tổng quan về kỹ thuật thuộc lĩnh vực điện; kiến thức lý thuyết và phương pháp tính toán các bài toán mạch điện tuyến tính với dòng hình sin, mạch điện xoay chiều một pha và ba pha; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách phân tích các bài toán của các loại máy điện như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; Kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách phân tích các mạch điện tử cơ bản.

18. Luật kinh doanh

2TC

Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung khái quát chung về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại các loại hình doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh theo quy định pháp luật Việt Nam. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được các quy định cơ bản của pháp luật kinh doanh, biết một số kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam.

19. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh 2TC

Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng cơ bản, đặc biệt là trong kinh doanh. Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu biết về các loại văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh cũng như kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng và một số hợp đồng kinh doanh, từ đó giúp ích cho sinh viên trong công việc và cuộc sống sau khi ra trường.

20. Toán kinh tế 3TC

Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: giới thiệu về cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

21. Kinh tế học vi mô 3TC

Kinh tế học vi mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về kinh tế học; cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ kinh tế, các nguyên lý kinh tế cơ bản, các quy luật kinh tế và các phương pháp nghiên cứu kinh tế; là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

22. Kinh tế học vĩ mô 3TC

Kinh tế học vĩ mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; khái quát về kinh tế học vĩ mô; tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân; tổng cầu và chính sách tài khoá; tiền tệ và chính sách tiền tệ; mô hình IS - LM và chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng; lạm phát và thất nghiệp; kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá được những tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến doanh nghiệp và hộ gia đình.

23. Đề án Kinh tế học 1TC

Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như

tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

24. Lý thuyết tài chính tiền tệ

3TC

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Tổng quan về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

25. Marketing căn bản

3TC

Marketing căn bản thuộc hệ thống các học phần cơ sở ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần gồm 2 nội dung chính: những vấn đề chung của marketing (Thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích hành vi tiêu dùng, cách phân đoạn các thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu); các công cụ marketing phổ biến được sử dụng trong các doanh nghiệp (Sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp). Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động định hướng thị trường của tổ chức, là nền tảng để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

26. Kiểm toán căn bản

3 TC

Kiểm toán căn bản là một học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về lĩnh vực kiểm toán như bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng của kiểm toán; các phương pháp kiểm toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kiểm toán; các hình thức tổ chức công tác kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm toán và các chuẩn mực kiểm toán. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể tiếp cận nhanh với công việc kế toán – kiểm toán sau khi tốt nghiệp.

27. Nguyên lý kế toán

3TC

Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

28. Nguyên lý thống kê

2TC

Nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

29. Thống kê doanh nghiệp

3TC

Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng lao động; đánh giá tài sản cố định; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được phương pháp và rèn luyện kỹ năng tính toán các chỉ tiêu thống kê trong doanh nghiệp.

30. Phân tích hoạt động kinh doanh

3TC

Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh; phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và lợi nhuận; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào phân tích và đánh giá tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

31. Kinh tế lượng

3 TC

Kinh tế lượng là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Giới thiệu về mô hình hồi quy đơn biến, hồi quy đa biến, hồi quy với biến giả; nghiên cứu các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan. Học phần này giúp sinh viên nắm được quy trình phân tích hồi quy để giải quyết những bài toán kinh tế kinh tế cụ thể.

32. Tài chính doanh nghiệp

3 TC

Tài chính doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, dòng tiền, định giá dòng tiền chiết khấu, giá trị hiện tại ròng và các nguyên tắc đầu tư khác; ra quyết định đầu tư; phân tích rủi ro, quyền chọn thực; lãi suất,

định giá trái phiếu, và định giá cổ phiếu. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

33. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại **2 TC**

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: hoạt động huy động vốn và quản lý vốn, tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng thương mại như cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê, bảo lãnh, quy trình tín dụng, nội dung của quy trình tín dụng, phân tích tín dụng; và các dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại. Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng thương mại để biết cách vận dụng, thực hành các bước của các quy trình kinh doanh của ngân hàng thương mại trong thực tế.

34. Tự chọn 2 **3 TC**

34.1. Quản trị doanh nghiệp **3 TC**

Quản trị doanh nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: Tổ chức/doanh nghiệp và môi trường hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp; nhà quản trị và hoạt động ra quyết định của nhà quản trị; 04 chức năng quản trị lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra; quản trị một số lĩnh vực cơ bản trong doanh nghiệp. Học phần quản trị doanh nghiệp giúp sinh viên có góc nhìn tổng quan về hoạt động của một tổ chức/doanh nghiệp làm nền tảng việc tiếp thu các học phần khác trong chương trình đào tạo.

34.2. Quản lý dự án **3 TC**

Quản lý dự án là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát về dự án và đặc điểm, vai trò của dự án; lựa chọn dự án và quản lý danh mục dự án của doanh nghiệp; lập các kế hoạch dự án (phạm vi, tiến độ, tài chính,...); thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện dự án. Học phần giúp cho sinh viên hiểu một cách toàn diện về dự án – công cụ triển khai chiến lược kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế hiện nay đồng thời trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể hòa nhập với thực tiễn sau khi ra trường.

35. Kế toán tài chính 1 **3 TC**

Kế toán tài chính 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư; kế toán hàng tồn kho; kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Học phần này sẽ giúp sinh viên có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự

học, tự giải quyết các vấn đề thay đổi về kế toán có liên quan đến một số phần hành kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

36. Kế toán tài chính 2

3 TC

Kế toán tài chính 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán; kế toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Báo cáo tài chính. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán sau khi ra trường.

37. Kế toán thuế

3 TC

Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam (Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân, các sắc thuế đánh vào tài sản, cũng như một số loại thuế, phí trên thực tế khác). Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm rõ các vấn đề liên quan đến thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp.

38. Kế toán quản trị 1

4 TC

Kế toán quản trị 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Cách lập các loại dự toán sản xuất; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng để thu thập, cũng như cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra các quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp.

39. Tổ chức công tác kế toán

4 TC

Tổ chức công tác kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát chung về tổ chức công tác kế toán; tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và các hình thức kế toán; tổ chức công tác kế toán một số yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán; tổ chức bộ máy kế toán và kiểm tra kế toán. Thông qua các bài tập thực tế, học phần giúp cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết của một kế toán viên, kế toán tổng hợp khi làm thực tế sau tốt nghiệp.

40. Kế toán xây dựng cơ bản

3 TC

Kế toán xây dựng cơ bản là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: vấn đề chung về hạch toán trong

các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp và kế toán ở đơn vị chủ đầu tư; đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và bàn giao công trình xây lắp và đặc điểm hạch toán doanh thu; xác định kết quả hoạt động xây lắp theo các phương thức kế toán trong xây dựng cơ bản theo chế độ hiện hành. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức công tác kế toán liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản tại các doanh nghiệp.

41. Kiểm toán tài chính

3 TC

Kiểm toán tài chính là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Mục tiêu của kiểm toán tài chính, bằng chứng kiểm toán, các công việc kiểm toán phải làm và các bằng chứng kiểm toán viên phải thu thập trong từng giai đoạn kiểm toán; Giới thiệu kiểm toán các khoản mục cơ bản, chủ yếu và các kết luận cùng các thuyết minh của kiểm toán viên trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được nội dung các hoạt động kiểm toán tài chính tại các doanh nghiệp.

42. Kế toán máy

4 TC

Kế toán máy là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Kế toán trên Excel (các vấn đề cơ bản và ứng dụng trong kế toán); kế toán trên phần mềm kế toán Misa SME.NET (các ứng dụng trên các phần hành kế toán doanh nghiệp). Học phần trang bị kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong việc giải quyết các vấn đề kế toán dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

43. Đề án kế toán tài chính

1 TC

Đề án Kế toán tài chính là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, với các tình huống giả định được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế liên quan đến một số phần hành chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được thực hành thực tế, rèn luyện kỹ năng của một kế toán viên, củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần kế toán tài chính, đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, lập báo cáo.

44. Đề án kế toán thuế

1 TC

Đề án Kế toán thuế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, được xây dựng dựa trên các số liệu thực tế trong tình huống giả định liên quan đến một số loại thuế chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại, qua đó giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng mềm, lập báo cáo thuế theo đúng quy định hiện hành, đồng thời củng cố lại các kiến thức đã học trong các học phần trước đó.

45. Tự chọn 3

3 TC

45.1. Kế toán ngân hàng thương mại

3 TC

Kế toán Ngân hàng thương mại là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, đối tượng phục vụ của kế toán ngân hàng thương mại; Hệ thống các nguyên tắc kế toán; Hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán ngân hàng; Tổ chức công tác kế toán ngân hàng; Hệ thống các nghiệp vụ kinh tế cơ bản phát sinh trong quá trình hoạt động của Ngân hàng thương mại; Hệ thống Báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại. Học phần này giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về công tác kế toán trong ngân hàng thương mại, qua đó có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kế toán liên quan đến ngân hàng thương mại.

45.2. Kế toán quốc tế

3 TC

Kế toán Quốc tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quốc tế; Các hệ thống kế toán trên thế giới; Đặc điểm mô hình kế toán của một số nước trên thế giới; Đặc điểm cơ bản của kế toán Mỹ; Quy trình kế toán, các báo cáo kế toán cơ bản; Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại; Kế toán tài sản cố định, tài sản lưu động; Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu. Học phần này giúp sinh viên có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kế toán trong điều kiện toàn cầu hóa, cũng như hội nhập quốc tế hiện nay.

45.3. Kế toán thương mại dịch vụ

3 TC

Kế toán thương mại dịch vụ là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tổng quan về doanh nghiệp thương mại dịch vụ; kế toán mua bán hàng hóa trong nước, kế toán xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ. Học phần được xây dựng dựa trên các chuẩn mực, nguyên tắc kế toán Việt Nam hiện hành, qua đó giúp sinh viên có khả năng ứng dụng, giải quyết các tình huống, nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

46. Thực tập cơ sở Chuyên ngành Kế toán DNCN

2 TC

Thực tập cơ sở Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp bao gồm hệ thống các tình huống giả định được xây dựng trên bộ dữ liệu thực tế. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng trong việc thực hành quy trình luân chuyển chứng từ kế toán trên một số phần hành kế toán.

47. Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN

3 TC

Thực tập tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua đi thực tế, tiếp cận

công tác kế toán thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, công ty sinh viên được trải nghiệm, so sánh thực tế công tác kế toán với lý thuyết đã học trên lớp từ đó phát hiện và kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.

48. Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN

6 TC

Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Kế toán DNCN là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, thông qua tiếp cận thực tế một phần hành kế toán chuyên sâu dựa trên kết quả tập, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập, lập báo cáo, thuyết trình.